TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày: 17 - 01 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Bé Thi.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Ông Trần Đức.
- Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Dương Ngọc Sử – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 04-01-2023 đối với:

Bị cáo: **K**, sinh năm: 2003, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện S, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông T và bà A; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bắt bị tạm từ ngày 14-5-2022 đến nay, tại Nhà tạm giữ - Công an huyện S. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Anh **S**, sinh năm 2003; nơi cư trú: khóm Q, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang (có mặt).

- Anh **G**, sinh năm 2002; nơi ĐKTT: Khóm L, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (Chỗ ở hiện nay: phường D, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh M, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện S, tỉnh An Giang

(vắng mặt).

- Anh A, sinh năm 2000; nơi ĐKTT: Khóm L, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (Chỗ ở hiện nay: phường D, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- Anh T, sinh năm 1998; nơi cư trú: Phường A, thành phố V, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Anh T1, sinh năm 1998; nơi cư trú: Khóm P, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Anh T2, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện S, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Ông X, sinh năm 1952; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện S, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 12-5-2022, K thấy S đăng tin trên mạng xã hội Facebook muốn trao đổi các phụ tùng xe môtô hiệu Sonic, biển số 67B2-426.29 của S, K nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của S nên liên hệ S trao đổi phụ tùng xe như IC, kim phun xăng, bánh mâm xe mô tô biển số 67B2 -426.29, S đồng ý và hẹn sáng ngày 13-5-2022 gặp nhau tại thành phố X, tỉnh An Giang để trao đổi.

Đến khoảng 11 giờ ngày 13/5/2022, K mang theo một IC và thuê xe mô tô khách đến thành phố X và gặp S điều khiển xe mô tô biển số 67B2-426.29 một mình. Lúc này, K nói dối S xe mô tô của K bị hỏng gửi sửa tại tiệm sửa xe ở thị trấn H, huyện S nên kêu S điều khiển xe mô tô chạy vào tiệm sửa xe ở thị trấn H. Sau đó, S và K thay phiên nhau điều khiển xe mô tô biển số 67B2-426.29 về hướng thị trấn H. Trên đường đi, K đưa IC mang theo cho S cất giữ để tạo lòng tin. Khi đến thị trấn H, K yêu cầu S tiếp tục điều khiển xe về hướng thị trấn N nhưng khi đến trước cổng Uỷ ban nhân dân xã T, huyện S; K kêu S xuống xe để K điều khiển xe mô tô biển số 67B2-426.29 một mình để kiểm tra bánh mâm xe, S đồng ý. Sau đó, K điều khiển xe mô tô của S tới khu vực xã T, huyện S và dừng lại xóa kết bạn trên Facebook, chặn cuộc gọi điện thoại của S rồi K điều khiển xe về nhà tháo biển số xe 67B2-426.29, đèn phụ chiếu sáng của xe cất giấu trong nhà và thay bằng

biển số 59F1-137.66. Sau đó, K điều khiển xe tới tiệm hớt tóc của T2 ở ấp H, xã T, huyện S dựng xe trước cửa tiệm đi vào trong hớt tóc.

Lúc này, S không thấy K điều khiển xe đem lại trả; nghi vấn bị lừa đảo nên S điện thoại cho T1 đến rước chở về khu vực xã T, huyện S để tìm xe. Khi tới tiệm hớt tóc T2, S phát hiện xe mô tô biển số 59F1-137.66 có đặc điểm giống xe của S và thấy K trong tiệm nên S giữ K lại cùng phương tiện trình báo sự việc Công an xã T.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển số 67B2-426.29, số máy: KB11E1218918, số khung: MH1KB1113KK219598;

- 01 (một) biển số 59F1-137.66;

- 01 (một) cây đoản (dạng ống điếu) bằng kim loại dài 19cm, một đầu bị bẻ cong dài 4,2cm bị gỉ sét;

- 01 (một) IC màu xanh, có in chữ JUKEN;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone X, số sê ri G6TVNHA8JCLJ, không có sim, màu đen;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone XS mã số sê ri FFWXC7G3KPHC, gắn sim Viettel số 0353254425, gắn liền ốp lưng màu bạc.

Ngày 20-5-2022, cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện S đã trao trả xe mô tô biển số 67B2-426.29 cho S.

Quá trình điều tra còn xác định bằng hình thức, thủ đoạn nêu trên:

Khoảng 10 giờ ngày 10-5-2022, K nhìn thấy G đăng lên mạng xã hội Facebook trao đổi phụ tùng xe mô tô hiệu Satria nên K nhắn tin liên hệ với G và hẹn gặp vào ngày 11-5-2022.

Đến khoảng 10 giờ ngày 11-5-2022, K gặp G ở quán cà phê Phường A, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để trao đổi cặp bánh mâm xe mô tô biển số 67C1-770.70, hiệu Satria của G. Lúc này, K yêu cầu G đưa xe để chạy kiểm tra cặp bánh mâm xe và G đồng ý. Sau đó, K điều khiển xe mô tô biển số 67C1-770.70 về thành phố M, tỉnh Bình Dương rồi đến tiệm mua bán xe gắn máy, mô tô cũ của T ở khu đô thị G, thị xã C, tỉnh Bình Dương bán với giá 8.000.000 đồng nhưng chưa lấy tiền. Đến ngày 12-5-2022, T bán xe mô tô trên cho người thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ được 9.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 34/KL-HĐĐGTS ngày 14-5-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thoại Sơn và Kết luận định giá tài sản số: 109/KL-HĐĐG-TTHS ngày 13-6-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu , xác định:

- 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Sonic150R biển số 67B2-426.29 màu đỏ trắng, số khung: MH1KB1113KK219598, số máy: KB11E1218918, trị giá 53.600.000 đồng".

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKY (số loại Satria) màu đỏ - đen; biển số: 67C1-770.70; số khung 11AZLJ228883; số máy: CGA1ID228922; đăng ký lần đầu ngày 25-12-2020, trị giá 55.500.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra,

Bị cáo khai nhận: Bị cáo không có phụ tùng xe mô tô hiệu Sonic như kim phun xăng, bánh mâm xe để trao đổi với các bị hại nhưng vào khoảng 09 giờ ngày 12-5-2022 bị cáo nhìn thấy anh S đăng tin trên mạng xã hội Facebook muốn trao đổi phụ tùng xe mô tô hiệu Sonic nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 67B2-426.29 của anh S, bị cáo sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen để nhắn tin hẹn anh S sáng ngày 13-5-2022 gặp mặt để trao đổi. Khi gặp anh S, bị cáo nói dối là xe hiệu Sonic của bị cáo đang gửi sửa tại tiệm sửa xe ở thị trấn H, huyện S. Lợi dụng lòng tin của anh S, bị cáo tiếp tục đề nghị anh S đưa xe cho bị cáo tự điều khiển một mình để kiểm tra bánh mâm xe, anh S đồng ý; sau đó bị cáo điều khiển xe về hướng xã T để tẩu thoát và chiếm đoạt xe của anh S. Trên đường tẩu thoát bị cáo dừng xe lại xóa kết bạn Facebook, chặn cuộc gọi từ điện thoại của S; sau đó, bị cáo lấy biển số xe 59F1-137.66 có sẵn để thay vào biển số xe của anh S, nhằm mục đích thay đổi đặc điểm nhận dạng xe của anh S. Ngoài ra, bị cáo còn dùng thủ đoạn tương tự để chiếm đoạt xe mô tô biển số 67C1-770.70 của anh G vào ngày 11-5-2022 tại Phường A, thành phố T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và bán xe trên cho anh T với số tiền là 8.000.000 đồng, nhưng chưa nhận tiền.

Bị hại anh S khai nhận: Do có nhu cầu trao đổi phụ kiện xe mô tô hiệu Sonic như IC, kim phun xăng, bánh mâm xe nên anh có đăng lên mạng Facebook, bị cáo K nhìn thấy nên có nhắn tin qua Facebook và gọi điện thoại cho anh hẹn sáng ngày 13-5-2022 gặp để trao đổi phụ kiện. Khi gặp, bị cáo nói dối xe hiệu Sonic của bị cáo đang sửa ở tiệm sửa xe tại thị trấn H nên yêu cầu anh chở bị cáo đến đó; sau đó, bị cáo yêu cầu anh tiếp tục chạy về hướng thị trấn S và đưa xe cho bị cáo điều

khiển một mình để kiểm tra bánh mâm xe của anh, do tin tưởng bị cáo có phụ kiện xe để trao đổi nên anh đồng ý giao xe cho bị cáo và bị cáo chiếm đoạt xe mô tô biển số 67B2-426.29 của anh.

Bị hại anh G khai nhận: Xe mô tô biển số 67C1-770.70 hiệu Satria là xe của anh mua do anh trực tiếp quản lý, sử dụng, nhưng vào thời điểm mua xe anh chưa đủ 18 tuổi nên nhờ anh A (là anh ruột của anh) đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Ngày 09-5-2022, anh có đăng lên mạng xã hội Facebook cần bán cặp bánh mâm; bị cáo K gọi điện thoại hẹn gặp anh để trao đổi việc mua bán bánh mâm xe, K yêu cầu anh đưa xe trên cho K chạy thử để kiểm tra bánh mâm xe, tin tưởng K có cặp bánh mâm xe để đổi nên anh đồng ý giao xe cho K chạy thử; sau đó K chạy xe của anh tẩu thoát và xóa Facebook, chặn cuộc gọi của anh, biết bị K lừa đảo chiếm đoạt xe nên anh trình báo sự việc đến công an Phường A, thành phố T. Hiện tại anh chưa nhận lại tài sản bị chiếm đoạt; anh yêu cầu K bồi thường giá trị xe của anh theo Kết luận định giá tài sản của cơ quan Công an và xử lý trách nhiệm hình sự K theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M khai nhận: Anh là chú ruột của K. Ngày 13-5-2022, K có bán cho anh 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen do K mua ở Bình Dương với số tiền là 2.000.000 đồng. Hiện anh đã giao nộp điện thoại di động trên cho Cơ quan điều tra, anh không yêu cầu K trả lại số tiền 2.000.000 đồng cho anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh A khai nhận: Anh là anh ruột của anh G, xe mô tô biển số 67C1-770.70 hiệu Satria là tài sản của G mua và trực tiếp quản lý, sử dụng; anh đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe dùm cho G do thời điểm mua xe trên G chưa đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T khai nhận: Vào khoảng tháng 5-2022, K có gọi điện thoại cho anh bán 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria biển số 67 (không nhớ biển số cụ thể) với giá 8.000.000 đồng, K không có nói và anh cũng không hỏi nguồn gốc xe từ đâu mà có. Do K chưa đưa được giấy chứng nhận đăng ký xe bản chính nên anh chưa trả tiền mua xe cho K. Vào ngày hôm sau, anh đã bán xe trên cho một thanh niên (không xác định rõ họ tên, địa chỉ) với số tiền là 9.000.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết nên chưa có khả năng giao nộp số tiền trên cho Cơ quan công an.

Người làm chứng anh T2 khai nhận: Anh là bạn của anh S. Vào khoảng 15 giờ ngày 13-5-2022, anh nhận được điện thoại của anh S báo về việc bị lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô biển số 67B2-426.29. Sau đó, anh cùng anh S đi đến khu vực xã T thì phát hiện xe của anh S và bị cáo K đang ở tiệm hớt tóc "T2" nên anh S giữ K lại còn anh chạy đến trình báo sự việc với Công an xã T.

Người làm chứng anh T2 khai nhận: Anh là chủ tiệm hớt tóc tên "T2", anh không quen biết bị cáo K. Khoảng 16 giờ ngày 13-5-2022, anh đang hớt tóc ở tiệm thì bị cáo điều khiển xe mô tô loại Sonic đến cắt tóc, một lúc sau thì có 02 người thanh niên khác đến giữ bị cáo lại vào trình báo công an xã T đến làm việc.

Người làm chứng ông X khai nhận: Ông là ông nội của K, ông không biết biển số xe 59F1-137.66 và chìa khóa số 10 thu giữ trong tủ thờ nhà ông là của ai; ông cũng không biết gì về việc K lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại.

Tại Cáo trạng số: 55/CT-VKSTS-HS ngày 02-11-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo K về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận về hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường giá trị xe mô tô biển số 67C1-770.70 cho anh G với số tiền là 55.000.000 đồng nhưng xin được bồi thường sau khi bị cáo chấp hành án xong, bị cáo không yêu cầu anh T trả cho bị cáo số tiền bán xe là 8.000.000 đồng.

Bị hại anh S khai nhận: Hiện anh đã nhận lại xe mô tô biển số 67B2-426.29, anh không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự, anh yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh G khai nhận: Hiện nay anh chưa nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô biển số 67C1-770.70; anh yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe của anh với số tiền là 55.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật và xử lý trách nhiệm hình sự bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông X khai nhận: Ông vẫn giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, ông không biết việc bị cáo K lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 05 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-5-2022.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; buộc bị cáo bồi thường giá trị tài sản là xe mô tô biển số 67C1-770.70 cho bị hại G với số tiền là 55.000.000 đồng .

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo, bị hại thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M, anh A, anh T; người làm chứng anh T1, anh T2 vắng mặt. Xét thấy anh M, anh A, anh T, anh T1, anh T2 đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, được công bố tại phiên tòa. Việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 10 giờ ngày 11-5-2022 tại Phường A, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và khoảng 11 giờ ngày 13/5/2022 tại xã T, huyện S, tỉnh An Giang; bị cáo nảy sinh ý định và dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt xe mô tô biển số 67B2-426.29 của anh S và xe mô tô biển số 67C1-770.70 của anh G. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 109.100.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng để có tiền tiêu xài, phục vụ cho lợi ích cá nhân, ý thức lười lao động lại thích hưởng thụ bị cáo đã cố ý dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 109.100.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[5.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên; đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5.3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[6] Với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung với xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và nhằm răn đe, đấu tranh, phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Bị hại S đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7.2] Bị hại G yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô biển số 67C1-770.70 là 55.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, bị cáo đồng ý bồi thường nhưng xin được chấp hành án xong sẽ bồi thường. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị hại G, buộc bị cáo bồi thường giá trị xe trên là 55.000.000 đồng cho bị hại G.

[7.3] Bị cáo không yêu cầu anh T trả số tiền bán xe 8.000.000 đồng cho bị cáo, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mua điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen 2.000.000 đồng; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) biển số 59F1-137.66;

- 01 (một) cây đoản (dạng ống điếu) bằng kim loại dài 19cm, một đầu bị bẻ cong dài 4,2cm bị gỉ sét;

- 01 (một) IC màu xanh, có in chữ JUKEN;

Đây là những vật chứng liên quan đến vụ án và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone X, số sê ri G6TVNHA8JCLJ, không có sim, màu đen; bị cáo sử dụng điện thoại di động này để nhắn tin, gọi cho các bị hại để chiếm đoạt tài sản nên cần tịch thu phát mãi sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone XS mã số sê ri FFWXC7G3KPHC, gắn sim Viettel số 0353254425, gắn liền ốp lưng màu bạc. Đây là vật chứng không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 " *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Đối với anh T mua xe mô tô biển số 67C1-770.70 từ bị cáo, anh T không biết xe trên là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện S không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh T về tội tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

[11] Về án phí: Do bị kết án và buộc bồi thường thiệt hại cho bị hại anh G nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định theo quy định của pháp luật.

[12] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phân tích về tính chất mức độ phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở như đã phân tích nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo K 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-5-2022.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) biển số 59F1-137.66;

- 01 (một) cây đoản (dạng ống điếu) bằng kim loại dài 19cm, một đầu bị bẻ cong dài 4,2cm bị gỉ sét;

- 01 (một) IC màu xanh, có in chữ JUKEN;

Tịch thu phát mãi sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone X, số sê ri G6TVNHA8JCLJ, không có sim, màu đen.

Trả lại cho bị cáo:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone XS mã số sê ri FFWXC7G3KPHC, gắn sim Viettel số 0353254425, gắn liền ốp lưng màu bạc.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số: 38/QĐ-VKSTS ngày 02-11-2022 và bảng thống kê vật chứng kèm theo)

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, Điều 589, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại G số tiền là 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh G có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền bị cáo phải thi hành cho anh G) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.750.000 (*hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M, anh A, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 02 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Cơ quan điều tra CA huyện S;
- Cơ quan THAHS huyện S;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Bé Thi